TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ–ST
Ngày: 08–12–2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Viễn, bà Lò Thị Thành.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đinh Thị Ánh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Giàng A Mơ - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2025/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/11/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26/11/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 02/12/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nông Thị S, tên gọi khác: Nông Thị X; sinh năm: 1992. Nơi cư trú: Bản L, xã CS, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Tòng Văn H; sinh năm: 1990. Nơi cư trú: Bản L, xã PB, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nông Thị S (tên gọi khác: Nông Thị X) trình bày:

Chị S và anh Tòng Văn H kết hôn với nhau từ ngày 31/10/2016. Đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã PB, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La (Nay là Uỷ ban nhân dân xã PB, tỉnh Sơn La). Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, quan điểm trong cuộc sống vợ chồng không đồng thuận, mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên ngăn nhưng cuộc sống vợ chồng không được cải thiện, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân được 09 năm. Nay chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị giải quyết ly hôn với anh Tòng Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Tòng Thị Kim Ph, sinh ngày 19/7/2014. Chị S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tòng Thị Kim Ph đến khi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị S không yêu cầu anh Tòng Văn H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Nông Thị S cam đoan không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Tòng Văn H đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để viết bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên tòa nhưng anh Hồng vẫn cố tình vắng mặt nên không có ý kiến về việc giải quyết ly hôn.

Căn cứ khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, điều kiện nuôi con tại nơi cư trú của các đương sự và ý kiến của con chung như sau:

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương ngày 13/10/2025 xác định: Chị Chị Nông Thị S và anh Tòng Văn H chung sống với nhau từ năm 2014, đến năm 2016 đi đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã PB, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La (Nay là Uỷ ban nhân dân xã PB, tỉnh Sơn La). Trong thời gian chung sống với nhau chị S và anh H cùng trú tại bản L, xã PB, tỉnh Sơn La, hai vợ chồng sống với nhau được một thời gian do không hợp nhau nên phát sinh mâu thuẫn, chị S đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Chiềng Sơ từ lâu, không còn sống cùng anh H ở xã Púng Bánh. Chị S và anh H có 01 con chung là cháu Tòng Thị Kim Phư. Cháu Ph ở với mẹ từ khi chị S chuyển về sống ở Chiềng Sơ. Về tài sản chung, nợ chung chính quyền địa phương không nắm được.

Tại Biên bản xác minh ngày 13/10/2025 với mẹ đẻ của anh Tòng Văn H là bà Lò Thị H; nơi cư trú: Bản L, xã PB, tỉnh Sơn La xác định: Chị S về sống cùng anh H tại Bản L, xã PB từ năm 2014, đến năm 2016 hai vợ chồng đi đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã PB. Chị S và anh H sống với nhau hạnh phúc khoảng 03 năm đến 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau, không có tiếng nói chung. Chị S đã bỏ nhà đi về sống với bố mẹ đẻ ở bản Luấn, xã Chiềng Sơ từ rất lâu, được gần 09 năm. Nay chị S yêu cầu giải quyết ly hôn, cả gia đình và anh H đều nhất trí. Trong thời gian chung sống có 01 con chung là cháu Tòng Thị Kim Ph. Cháu Ph đã về sống với chị S từ khi chị S bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Gia đình nhất trí cho chị S nuôi cháu Ph. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng không có.

Tại biên bản ghi ý kiến ngày 10/10/2025 của cháu Tòng Thị Kim Ph, sinh ngày 19/7/2014 như sau: Cháu có nguyện vọng ở với mẹ nếu bố mẹ cháu ly hôn.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, bị đơn đã được Toà án triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt để tham gia tố tụng. Do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn vẫn kiên quyết ly hôn với lý do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn gia đình

không thể hàn gắn được vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã rất trầm trọng.

Chị Nông Thị Say có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với nội dung: Chị S giữ nguyên ý kiến như trình bày trong đơn khởi kiện và bản tự khai.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng đầy đủ tư cách tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn, tống đạt đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị S được ly hôn với anh Tòng Văn H.

Về con chung: Giao cháu Tòng Thị Kim Ph, sinh ngày 19/7/2014 cho chị Nông Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Tòng Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

Về án phí: Chị Nông Thị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nông Thị S yêu cầu ly hôn với anh Tòng Văn H có nơi cư trú tại bản L, xã PB, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Nguyên đơn chị Nông Thị S vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Tòng Văn H đã được Tòa án triệu tập tống đạt hợp lệ lần thứ ba vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị S và anh Tòng Văn H chung sống với nhau từ năm 2014, đến năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PB, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La (Nay là Uỷ ban nhân dân xã PB, tỉnh Sơn La), việc kết hôn là tự nguyện không bị ai ép buộc, khi kết hôn hai bên đủ kiều kiện kết hôn theo quy định. Do đó, chị S và anh H là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hoà hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên gia đình đã hòa giải cho vợ chồng nhưng không thể hàn gắn được tình cảm. Chị S và anh H đã sống ly thân từ rất lâu, được 09 năm. Tình cảm vợ chồng không còn, chị Say kiên quyết xin ly hôn với anh Tòng Văn H.

Tòa án đã tiến hành triệu tập tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần cho bị đơn anh Tòng Văn H để viết bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh Tòng Văn H vẫn cố tình vắng mặt.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, biên bản xác minh tại địa phương, bản tự khai của đương sự và tại phiên tòa cho thấy cuộc sống chung vợ chồng của chị S và anh H không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân do mâu thuẫn gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thể hoà hợp được, đã sống ly thân 09 năm không ai quan tâm đến cuộc sống của ai dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc.

Từ các căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị S và anh H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nông Thị S được ly hôn với anh Tòng Văn H.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Tòng Thị Kim Ph, sinh ngày 19/7/2014. Hiện cháu Tòng Thị Kim Ph đang ở với chị Nông Thị S.

Ý kiến của chị Nông Thị S nếu ly hôn xin được nuôi dưỡng cháu Tòng Thị Kim Ph.

Về cấp dưỡng nuôi con chị Say không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án anh H không có ý kiến gì.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào đề nghị của nguyên đơn, ý kiến của cháu Tòng Thị Kim Ph có nguyện vọng ở với mẹ. Kết quả xác minh thể hiện cháu Tòng Thị Kim P đang ở với chị Nông Thị S, đang do chi Say trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tại bản L, xã CS, tỉnh Sơn La . Chị S đảm bảo mọi điều kiện về chỗ ở, thu nhập để nuôi con chung. Do đó cần giao cháu Tòng Thị Kim Ph cho chị Nông Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Tòng Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Say không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nông Thị S xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó không xem xét giải quyết trong vụ án. Trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị S (Tên gọi khác: Nông Thị X) được ly hôn với anh Tòng Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Tòng Thị Kim Ph, sinh ngày 19/7/2014 cho chị Nông Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành (Đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Tòng Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do không có người yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con (anh H) có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết trong vụ án. Trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Nông Thị S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000349, ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 3 – Sơn La (2);
- Chi cục THA dân sự khu vực 3 - Sơn La;
- UBND xã PB, tỉnh Sơn La;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nông Văn Thịnh